

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí
Ông Phạm Văn Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp TBT, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Hồ Thị Mỹ L, anh Dương Văn B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ L và anh Dương Văn B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2015. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống. Anh B thường xuyên nhậu và đánh chị L. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2015 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm.

Nay chị Hồ Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn B.

Về con chung: Chị L và anh B có 03 con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 07/02/2004, Dương Văn B1, sinh ngày 03/02/2005 và Dương Quốc C, sinh ngày 05/10/2013. Hiện nay, cháu T đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ nơi cư trú, cháu B1 đang sống với anh B, cháu C đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý để anh B tiếp tục nuôi hai con chung là Dương Văn T và Dương Văn B1, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Dương Quốc C, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Dương Văn B thống nhất, anh B và chị L chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L thường hay giận dỗi.

Về con chung: Anh B thống nhất, chị L và anh B có 03 con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 07/02/2004, Dương Văn B1, sinh ngày 03/02/2005 và Dương Quốc C, sinh ngày 05/10/2013. Hiện nay, cháu T đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ nơi cư trú, cháu B1 đang sống với anh B, cháu C đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, anh B thống nhất tiếp tục nuôi hai con chung là Dương Văn T và Dương Văn B1, anh B không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh B đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung tên Dương Quốc C, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của chị Hồ Thị Mỹ L (Bản sao).
- Trích lục khai sinh của cháu Dương Văn T, Dương Văn B1 và Dương Quốc C (Bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).
- Bản khai của chị Hồ Thị Mỹ L (Bản chính, đánh máy và viết tay do chị Hồ Thị Mỹ L ký tên, đề ngày 15/10/2018).
- Bản khai của cháu Dương Văn B1 (Bản chính, đánh máy và viết tay do Dương Văn B1 ký tên, đề ngày 13/11/2018).
- Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018 của anh Dương Văn B (Bản chính).

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn: Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Mỹ L và anh Dương Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Dương Văn T, sinh ngày 07/02/2004 và Dương Văn B1, sinh ngày 03/02/2005 cho anh Dương Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Dương Quốc C, sinh ngày 05/10/2013 cho chị Hồ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh B không phải cấp dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị L và anh B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn B. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con chung tên Dương Quốc C, đồng ý để anh B nuôi hai con chung tên Dương Văn T và Dương Văn B1. Do đó, đây là vụ án hôn nhân và gia đình “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Dương Văn B cư trú tại Ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn B.

Xét thấy, chị L và anh B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia

định quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”.

Mặt khác, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị L và anh B sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm với nhau. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do chị L và anh B không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh B thống nhất có 03 con chung tên Dương Văn T, Dương Văn B1, Dương Quốc C. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý giao 02 con chung là cháu T và cháu B1 cho anh B nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu B1 hiện nay đang sống chung với anh B, cháu T đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ nơi cư trú. Tại bản khai 13/11/2018 cháu B1 có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với anh B. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018, anh B thống nhất tiếp tục nuôi cháu B1 và cháu T. Mặt khác, chị L cũng đồng ý giao hai con chung là cháu B1 và cháu T cho anh B nuôi dưỡng, chị L không đồng ý cấp dưỡng. Do đó, giao hai cháu Dương Văn T, sinh ngày 07/02/2004 và Dương Văn B1, sinh ngày 03/02/2005 cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu C hiện nay đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018, anh B đồng ý để chị L tiếp tục nuôi cháu C, anh B không đồng ý cấp dưỡng. Do đó, giao cháu Dương Văn C, sinh ngày 03/02/2005 cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị L xác định, chị L và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018, anh B xác định, anh B và chị L tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, giữa chị L và anh B không thống nhất với nhau về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về tài sản chung và nợ chung thì chị L và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trong trường hợp giữa chị L và anh B phát sinh tranh chấp về tài sản

chung và nợ chung thì có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ L.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Mỹ L và anh Dương Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Dương Văn T, sinh ngày 07/02/2004 và Dương Văn B1, sinh ngày 03/02/2005 cho anh Dương Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T và cháu B1 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Dương Quốc C, sinh ngày 05/10/2013 cho chị Hồ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L và anh B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hồ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số BH/2017/0004371 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên